

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-PT
Ngày 20-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán:

Ông Tôn Văn Thông

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2022/TLPT-DS ngày 21/11/2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 212/2023/QĐ-PT ngày 03/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Ngọc B, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn U, sinh năm 1974

2.2. Bà Vương Ngọc L, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Ngọc B và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Khoảng đầu năm 2020, ông Đoàn Ngọc B có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi vịt với vợ chồng ông Lê Văn U và bà Vương Ngọc L, khi mua bán chỉ hợp đồng bằng miệng không lập thành văn bản. Hai bên thỏa thuận khi nào vịt xuất chuồng thì thanh toán, có lập sổ theo dõi mỗi bên giữ một quyển. Trong quá trình mua bán ông U, bà L nhiều lần không thanh toán đủ số tiền thức ăn chăn nuôi đã mua cho ông B. Do đó, ngày 06/9/2020 giữa hai bên tiến hành chốt sổ, ông U và bà L còn nợ lại ông B số tiền là 209.943.000 đồng. Ngày 23/10/2020, ông U trả cho ông B được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 169.943.000 đồng.

Sổ mua bán thức ăn đã được ông B cung cấp bản gốc cho Tòa án. Trong sổ này ông U đã có ký tên xác nhận nợ, tuy nhiên phần ghi số tiền có sự tô sửa là do ông B đưa sổ cho ông U tự ghi, ông U tự tính toán cộng trừ tiền, khi đó do ông U cộng trừ sai nên ông U là người tô sửa trong sổ mua bán. Ông B khẳng định đây đúng là số tiền ông U và bà L còn nợ ông, vì khi lấy số tiền 209.943.000 đồng trừ cho 40.000.000 đồng sẽ còn lại số tiền 169.943.000 đồng đúng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc mua bán thức ăn này là để phát triển kinh tế gia đình nên ông B yêu cầu ông U và bà L liên đới trả số tiền nợ gốc 169.943.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 23/10/2020 cho đến khi Tòa án xét xử với lãi suất 1%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn U trình bày:

Khoảng năm 2019, ông có thỏa thuận mua thức ăn chăn nuôi vịt của đại lý Đoàn Ngọc B, khi mua bán chỉ thỏa thuận miệng và lập sổ theo dõi mỗi bên giữ một sổ, khi trả xong tiền thì ông bỏ sổ theo dõi không còn giữ. Theo thỏa thuận, khi nào có vịt xuất chuồng thì trả tiền thức ăn. Quá trình mua bán, ông thanh toán đầy đủ đến năm 2020 thì bắt đầu thua lỗ do vịt không xuất đi Trung Quốc được, giá vịt xuống thấp và một số bị bệnh chết, việc chăn nuôi gặp khó khăn.

Sau khi ngưng mua thức ăn của đại lý ông B, hai bên tiến hành cộng sổ chốt tiền nợ, ông không nhớ chính xác mình nợ ông B bao nhiêu tiền nhưng giao động trong khoảng trên dưới 200.000.000 đồng. Sau khi chốt sổ mua bán khoảng 04 - 05 tháng, ông trả cho ông B 40.000.000 đồng. Chữ ký “Út” và chữ viết màu đỏ trong sổ mua bán do ông B cung cấp là của ông viết và ký tên.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 169.943.000 đồng, ông đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, không có thu nhập ổn định nên ông xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng và hứa khi nào có khả năng ông sẽ thanh toán hết tiền nợ cho ông B. Đối với yêu cầu tính lãi của ông B, ông không đồng ý. Do quá khó khăn, nợ gốc ông còn không có khả năng trả thì không thể trả tiền lãi được. Việc chăn nuôi, mua thức ăn tại đại lý ông B thì vợ ông là bà Vương Ngọc L không có tham gia và cũng không biết. Thu nhập từ việc chăn nuôi vịt có khi ông sử dụng để mua đồ ăn, thức uống trong nhà, nhưng việc thua lỗ thì một mình ông chịu, một mình ông biết. Vợ ông không có liên quan đến việc này.

Bị đơn bà Vương Ngọc L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M đã áp dụng các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Ngọc B. Buộc ông Lê Văn U và bà Vương Ngọc L liên đới trả cho ông Đoàn Ngọc B số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 202.526.000 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 169.943.000 đồng và tiền lãi là 32.583.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/10/2022, bị đơn ông Lê Văn U kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo ông không đồng ý trả lãi, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần tính lãi chậm trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông U trình bày do làm ăn thua lỗ nên ông không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn U, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Lê Văn U; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi bản án sơ thẩm tuyên buộc ông U, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B số tiền 202.526.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 169.943.000 đồng và tiền lãi 32.583.000 đồng. Bị đơn ông U kháng cáo, không đồng ý trả số tiền lãi chậm trả 32.583.000 đồng nên cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội dung này, các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[2] Xét kháng cáo của ông U: Các bên đương sự trình bày thống nhất giữa ông B với ông U, bà L có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi vịt, hình thức mua

bán khi có vệt xuất chuồng thì thanh toán tiền thức ăn. Đến ngày 23/10/2020, hai bên thống nhất xác nhận ông U và bà L còn thiếu ông B số tiền 169.943.000 đồng. Như vậy, kể từ ngày 23/10/2020 bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu nhưng bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ của mình, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 23/10/2020 đến ngày 26/9/2022, tổng số tiền lãi 32.583.000 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn U phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn U;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Ngọc B.

Buộc ông Lê Văn U và bà Vương Ngọc L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Ngọc B số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 202.526.000 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 169.943.000 đồng và tiền lãi là 32.583.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn U và bà Vương Ngọc L phải liên đới chịu số tiền án phí 10.126.300 đồng.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông Đoàn Ngọc B số tiền 4.862.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005072 ngày 08/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[2.2] Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn U phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000521 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương